

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 19/2013/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 06 tháng 9 năm 2013

THÔNG TƯ**Quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản
của các tổ chức tín dụng Việt Nam**

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 96/2008/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam.

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (sau đây gọi là Công ty Quản lý tài sản); phát hành, quản lý và thanh toán trái phiếu đặc biệt.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Công ty Quản lý tài sản.
2. Tổ chức tín dụng Việt Nam (sau đây gọi là tổ chức tín dụng).
3. Khách hàng vay.

4. Bên bảo đảm.

5. Tổ chức, cá nhân khác liên quan đến việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản; phát hành, quản lý và thanh toán trái phiếu đặc biệt.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các thuật ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. *Tổ chức tín dụng bán nợ* là tổ chức tín dụng bán nợ xấu cho Công ty Quản lý tài sản.

2. *Cơ cấu lại nợ* là việc thực hiện điều chỉnh kỳ hạn trả nợ; gia hạn nợ; miễn, giảm lãi phạt, phí và lãi vay đã quá hạn thanh toán; điều chỉnh lãi suất của khoản nợ xấu.

3. *Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ* là việc chấp thuận thay đổi kỳ hạn trả nợ gốc, lãi trong phạm vi thời hạn trả nợ đã thỏa thuận trước đó trong hợp đồng tín dụng, hợp đồng ủy thác, hợp đồng mua trái phiếu doanh nghiệp, mà thời hạn trả nợ cuối cùng không thay đổi.

4. *Gia hạn nợ* là việc chấp thuận kéo dài thêm một khoảng thời gian trả nợ gốc, lãi vượt quá thời hạn trả nợ đã thỏa thuận trước đó trong hợp đồng tín dụng, hợp đồng ủy thác, hợp đồng mua trái phiếu doanh nghiệp.

5. *Tổ chức tín dụng được ủy quyền* là tổ chức tín dụng bán nợ được Công ty Quản lý tài sản ủy quyền thực hiện một hoặc một số hoạt động của Công ty Quản lý tài sản.

6. *Giá trị ghi sổ số dư nợ gốc* của khoản nợ xấu tại tổ chức tín dụng là số dư nợ gốc của khoản nợ xấu đang hạch toán nội bảng trên bảng cân đối kế toán của tổ chức tín dụng; Giá trị ghi sổ số dư nợ gốc của khoản nợ xấu tại Công ty Quản lý tài sản là giá mua hoặc số dư nợ gốc của khoản nợ xấu đang hạch toán nội bảng trên bảng cân đối kế toán của Công ty Quản lý tài sản.

7. *Khoản nợ* là số dư nợ của hợp đồng hoặc thỏa thuận cấp tín dụng, hợp đồng ủy thác, hợp đồng mua trái phiếu doanh nghiệp của tổ chức tín dụng.

8. *Trái phiếu đặc biệt* là giấy tờ có giá có thời hạn do Công ty Quản lý tài sản phát hành để mua nợ xấu của các tổ chức tín dụng.

9. *Ngày phát hành trái phiếu đặc biệt* là ngày trái phiếu có hiệu lực và là thời điểm làm căn cứ để xác định ngày thanh toán gốc trái phiếu.

Điều 4. Ban hành, công khai các chính sách quản lý, quy định nội bộ về mua, bán, xử lý nợ xấu

1. Công ty Quản lý tài sản phải ban hành và triển khai các chính sách quản lý, quy định nội bộ về:

a) Các hoạt động được phép thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (sau đây gọi là Nghị định số 53/2013/NĐ-CP);

b) Phát hành, quản lý và thanh toán trái phiếu đặc biệt;

c) Công khai, minh bạch về mua, bán và xử lý nợ xấu;

d) Cơ cấu lại nợ xấu, hỗ trợ tài chính cho khách hàng vay.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế các chính sách quản lý, quy định nội bộ quy định tại khoản 1 Điều này, Công ty Quản lý tài sản phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý tài sản và gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) để thanh tra, kiểm tra, giám sát.

Chương II

MUA, BÁN NỢ XẤU GIỮA CÔNG TY QUẢN LÝ TÀI SẢN VÀ TỔ CHỨC TÍN DỤNG

Mục 1

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 5. Thẩm quyền mua, bán nợ xấu

Thẩm quyền quyết định việc mua, bán nợ; thẩm quyền ký kết, thực hiện hợp đồng mua, bán nợ của Công ty Quản lý tài sản, tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty Quản lý tài sản, tổ chức tín dụng.

Điều 6. Đồng tiền giao dịch

1. Đồng tiền được sử dụng trong mua, bán nợ giữa Công ty Quản lý tài sản và tổ chức tín dụng là đồng Việt Nam (sau đây viết tắt là VND).

2. Trường hợp Công ty Quản lý tài sản sử dụng trái phiếu đặc biệt mua khoản nợ xấu bằng ngoại tệ của tổ chức tín dụng, tỷ giá VND với ngoại tệ áp dụng để quy đổi sang VND như sau:

a) Đối với khoản nợ xấu bằng đô la Mỹ (sau đây viết tắt là USD) là tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố áp dụng tại thời điểm ký kết hợp đồng mua, bán nợ;

b) Đối với khoản nợ xấu bằng ngoại tệ không phải USD là tỷ giá tính thuế xuất nhập khẩu áp dụng cho ngoại tệ đó do Ngân hàng Nhà nước công bố áp dụng tại thời điểm ký kết hợp đồng mua, bán nợ.

3. Trường hợp Công ty Quản lý tài sản sử dụng trái phiếu đặc biệt mua khoản nợ xấu bằng vàng của tổ chức tín dụng thì áp dụng giá quy đổi là giá vàng mua vào của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên vàng bạc đá quý Sài Gòn tại thời điểm ký kết hợp đồng mua, bán nợ.

Điều 7. Chuyển giao các quyền và lợi ích liên quan đến khoản nợ xấu

1. Trong hoạt động mua, bán nợ giữa Công ty Quản lý tài sản và tổ chức tín dụng, toàn bộ các quyền và lợi ích gắn liền với khoản nợ xấu, tài sản bảo đảm và biện pháp bảo đảm khác cho khoản nợ xấu được bên bán nợ giữ nguyên hiện trạng và chuyển giao cho bên mua nợ theo hợp đồng mua, bán nợ.

2. Trường hợp Công ty Quản lý tài sản và tổ chức tín dụng có sự thỏa thuận về việc điều chỉnh điều kiện bảo đảm cho khoản nợ xấu thì phải được sự chấp thuận bằng văn bản của khách hàng vay và bên bảo đảm.

Điều 8. Nguyên tắc mua, bán nợ xấu

1. Công khai, minh bạch.
2. Tuân thủ đúng quy định của pháp luật và hợp đồng mua, bán nợ.
3. Hạn chế rủi ro và chi phí trong mua, bán nợ xấu.
4. Việc mua, bán nợ xấu được thực hiện đối với từng khoản nợ xấu hoặc theo từng khách hàng vay trong trường hợp khách hàng vay có nhiều khoản nợ xấu tại một tổ chức tín dụng hoặc theo từng nhóm khách hàng vay trong trường hợp một tài sản bảo đảm cho các khoản nợ xấu của nhiều khách hàng vay tại một tổ chức tín dụng hoặc theo hình thức khác do các bên thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 9. Cấp tín dụng đối với khách hàng vay có nợ xấu bán cho Công ty Quản lý tài sản

Khách hàng vay có khoản nợ xấu bán cho Công ty Quản lý tài sản và có phương án sản xuất, kinh doanh, dự án đầu tư có hiệu quả được tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài xem xét, cấp tín dụng theo thỏa thuận và quy định của pháp luật.

Mục 2

PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU ĐẶC BIỆT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ TÀI SẢN

Điều 10. Chủ thể, mục đích và nguyên tắc phát hành trái phiếu đặc biệt

1. Chủ thể phát hành trái phiếu đặc biệt là Công ty Quản lý tài sản. Công ty Quản lý tài sản ủy quyền cho Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước tổ chức phát hành trái phiếu đặc biệt theo quy định tại Thông tư này.

2. Công ty Quản lý tài sản phát hành trái phiếu đặc biệt để mua nợ xấu của các tổ chức tín dụng.

3. Việc phát hành trái phiếu được thực hiện riêng lẻ, căn cứ nhu cầu thực tế và Phương án phát hành trái phiếu đặc biệt đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

4. Một trái phiếu đặc biệt được phát hành tương ứng với một khoản nợ xấu được mua, bán. Trường hợp khoản nợ xấu được mua, bán là khoản cấp tín dụng hợp vốn, Công ty Quản lý tài sản phát hành trái phiếu đặc biệt tương ứng cho từng tổ chức tín dụng tham gia cấp tín dụng hợp vốn.

Điều 11. Điều kiện và điều khoản của trái phiếu đặc biệt

1. Mệnh giá trái phiếu đặc biệt

a) Mệnh giá trái phiếu đặc biệt có giá trị bằng giá mua của khoản nợ xấu theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 53/2013/NĐ-CP và theo quy định tại khoản 4 Điều 10 Thông tư này;

b) Trường hợp khoản nợ xấu được mua, bán là khoản cấp tín dụng hợp vốn, mệnh giá trái phiếu đặc biệt phát hành cho từng tổ chức tín dụng tham gia cấp tín dụng hợp vốn tương ứng với giá trị ghi sổ số dư nợ gốc của khoản nợ xấu sau khi khấu trừ số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập chưa sử dụng cho khoản nợ xấu đó đang được theo dõi tại tổ chức tín dụng tham gia cấp tín dụng hợp vốn.

2. Trái phiếu đặc biệt được phát hành bằng VND.

3. Các hình thức trái phiếu đặc biệt

a) Trái phiếu đặc biệt được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử có định danh;

b) Trái phiếu đặc biệt được phát hành dưới hình thức chứng chỉ ghi danh.

4. Công ty Quản lý tài sản quyết định hình thức trái phiếu đặc biệt.

5. Trái phiếu đặc biệt phải lưu ký tại Ngân hàng Nhà nước theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về lưu ký giấy tờ có giá và được sử dụng trong nghiệp vụ tái cấp vốn với Ngân hàng Nhà nước.

6. Tổ chức tín dụng sở hữu trái phiếu đặc biệt được miễn phí lưu ký khi lưu ký trái phiếu đặc biệt tại Ngân hàng Nhà nước.

Điều 12. Phương án phát hành trái phiếu đặc biệt

1. Phương án phát hành trái phiếu đặc biệt là một tập hợp các phân tích, đánh giá, đề xuất về việc phát hành trái phiếu đặc biệt của Công ty Quản lý tài sản.

2. Phương án phát hành trái phiếu đặc biệt bao gồm các nội dung sau đây:

a) Dự kiến khối lượng, giá trị, đối tượng nợ xấu cần mua và tổ chức tín dụng bán nợ;